

## Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ **Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Bền vững**

Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Bền vững là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế khi Quý khách muốn tập trung vào tích lũy Giá trị Tài khoản tối đa bên cạnh giá trị bảo vệ cho bản thân và gia đình.

Sản phẩm phù hợp cho:

- Quý khách muốn tối đa hóa Giá trị Tài khoản Hợp đồng do không bị trừ phí ban đầu khi đóng phí.
- Quý khách muốn có Quyền lợi duy trì hợp đồng đặc biệt.
- Quý khách muốn tùy chọn các Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng ưu việt theo nhu cầu riêng.
- Quý khách muốn bảo vệ cho bản thân và cả người thân yêu trong cùng một Hợp đồng Bảo hiểm.

**Bên mua Bảo hiểm (BMBH) :** NGUYỄN VĂN A

Tuổi : 30

Giới tính : NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) :


Điện thoại liên lạc :


Mã số ĐDKD :


Văn phòng ĐDKD :

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ gần 1.324 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

 (84-28) 3827 8989

 (84-28) 3827 8123

 (84-28) 3821 9000

 [chubblife.vietnam@chubb.com](mailto:chubblife.vietnam@chubb.com)

 <http://life.chubb.com/vn>

**I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NDBH)**

NDBH	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
1	NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1988	30	2

**II. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA**

STT	Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Bền vững	NDBH	Điều kiện BH	Mệnh giá BH (đồng)	Tuổi đáo hạn NDBH	Phí BH cơ bản (đồng) (*)
1	QLBH Cơ bản	1	S/S	1.000.000.000	99	14.200.000
2	QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng	1	S/S	1.000.000.000	65	3.300.000
3	QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	1	S/S	1.000.000.000	65	3.400.000
4	QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng	1	S/S	200.000	65	434.000
5	QLBH theo mức độ cho bệnh nan y	1	S/S	1.000.000.000	75	13.900.000

**Tổng cộng: 35.234.000**

**Phí BH cơ bản (\*):** 35.234.000 đồng

**Phí BH dự kiến đóng năm đầu:** 35.234.000 đồng

**Phí BH dự kiến đóng theo kỳ (\*):** 35.234.000 đồng

**Theo Định kỳ đóng phí:** Năm

### **III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ**

#### **Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:**

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- Số lần rút tiền mặt và số tiền rút ra có thể làm thay đổi QLBH Cơ bản, Quyền lợi duy trì hợp đồng, kế hoạch đóng phí và lãi phát sinh cho GTTKHD. Khi nhu cầu bảo hiểm thay đổi, BMBH có thể yêu cầu tăng/giảm Mệnh giá BH trong tương lai.
- QLBH Cơ bản là quyền lợi bảo hiểm chính của HĐBH và là QLBH khi NĐBH 1 tử vong. Trong trường hợp NĐBH 1 nhỏ hơn 4 tuổi, QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH. Mệnh giá BH của quyền lợi này có thể điều chỉnh theo yêu cầu của BMBH trong suốt thời gian hiệu lực của HĐBH.
- Tổng QL Bảo hiểm tham gia là tổng Mệnh giá BH của QLBH Cơ bản và các QLBH Gia tăng mà BMBH tham gia. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng bao gồm Mệnh giá BH của QLBH thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; QLBH tử vong hoặc tàn tật do tai nạn mở rộng và QLBH theo mức độ cho bệnh nan y. Tổng Mệnh giá BH của các QLBH Gia tăng không bao gồm Mệnh giá BH của QLBH hỗ trợ nằm viện mở rộng.
- GT Tài khoản nêu trong Bảng minh họa đã bao gồm Quyền lợi duy trì hợp đồng (nếu có). Quyền lợi duy trì hợp đồng sẽ phát sinh và cộng vào GT Tài khoản vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ mười, Năm hợp đồng thứ hai mươi nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo cam kết được áp dụng là 4%/năm trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, 3%/năm từ Năm hợp đồng thứ sáu đến Năm hợp đồng thứ mười, 2%/năm từ Năm hợp đồng thứ mười một đến Năm hợp đồng thứ mười lăm và 1,5%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- Trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, HĐBH sẽ chấm dứt Hiệu lực khi tổng các khoản phí bảo hiểm thực đóng nhỏ hơn tổng Phí BH cơ bản tính từ Ngày hiệu lực HĐBH đến Ngày Khấu trừ hàng tháng. Từ Năm hợp đồng thứ sáu trở đi, HĐBH sẽ chấm dứt Hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn hoặc bằng “Không” đồng.

**BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ****MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HD (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Tử vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
1	31	35.234	35.234	6.272	31.512	-	1.000.000	4.000.000	-
2	32	35.234	35.234	6.994	64.807	-	1.000.000	4.000.000	-
3	33	35.234	35.234	7.589	100.132	-	1.000.000	4.000.000	-
4	34	35.234	35.234	8.173	137.673	-	1.000.000	4.000.000	-
5	35	35.234	35.234	8.856	177.506	-	1.000.000	4.000.000	-
6	36	35.234	35.234	9.587	219.809	43.962	1.000.000	4.000.000	-
7	37	35.234	35.234	10.465	264.535	105.814	1.000.000	4.000.000	-
8	38	35.234	35.234	11.398	311.867	187.120	1.000.000	4.000.000	-
9	39	35.234	35.234	12.327	362.017	289.614	1.000.000	4.000.000	-
10	40	35.234	35.234	13.352	439.870	395.883	1.000.000	4.000.000	-
11	41	35.234	35.234	14.645	497.844	480.419	1.000.000	4.000.000	-
12	42	35.234	35.234	15.747	559.306	539.731	1.000.000	4.000.000	-
13	43	35.234	35.234	17.049	624.329	602.477	1.000.000	4.000.000	-
14	44	35.234	35.234	18.502	693.184	668.923	1.000.000	4.000.000	-
15	45	35.234	35.234	19.963	765.878	739.072	1.000.000	4.000.000	-
16	46	35.234	35.234	21.328	842.965	813.461	1.000.000	4.000.000	-
17	47	35.234	35.234	22.757	924.728	892.362	1.000.000	4.000.000	-
18	48	35.234	35.234	24.019	1.011.930	976.512	1.011.930	4.000.000	-
19	49	35.234	35.234	25.838	1.104.000	1.065.360	1.104.000	4.000.000	-
20	50	35.234	35.234	27.784	1.346.061	1.298.949	1.346.061	4.000.000	-
25	55	-	-	19.952	1.875.247	1.809.613	1.875.247	4.000.000	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
30	60	-	-	31.378	2.597.000	2.506.105	2.597.000	4.000.000	-
35	65	-	-	49.025	3.572.911	3.447.859	3.572.911	4.000.000	-
36	66	-	-	45.099	3.811.718	3.678.308	3.811.718	2.000.000	-
38	68	-	-	65.565	4.316.680	4.165.596	4.316.680	2.000.000	-
39	69	-	-	77.610	4.581.087	4.420.749	4.581.087	2.000.000	-
40	70	-	-	92.309	4.851.316	4.681.520	4.851.316	2.000.000	-
45	75	-	-	153.726	6.334.289	6.112.589	6.334.289	2.000.000	-
46	76	-	-	1.200	6.841.224	6.601.781	6.841.224	1.000.000	-
50	80	-	-	1.200	9.303.732	8.978.102	9.303.732	1.000.000	-
55	85	-	-	1.200	13.665.776	13.187.474	13.665.776	1.000.000	-
60	90	-	-	1.200	20.076.401	19.373.727	20.076.401	1.000.000	-
65	95	-	-	1.200	29.497.699	28.465.279	29.497.699	1.000.000	-
69	99	-	-	1.200	40.134.117	38.729.423	40.134.117	1.000.000	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
--------	-------------	---------------------	--	---------------------------------	--------------	-----------------	--------------------------	---------------------------	--------------

**CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG:**

Năm HĐ thứ mười:	24.672.800 đồng
Năm HĐ thứ hai mươi:	144.655.400 đồng

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

Tổng số năm đóng phí:	20 năm	Tổng số phí đóng:	704.680.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	-	Tổng số tiền mặt rút ra:	-
Số tiền nhận khi đáo hạn:	40.134.117.000 đồng		

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
1	31	35.234	35.234	6.269	30.877	-	1.000.000	4.000.000	-
2	32	35.234	35.234	6.981	62.883	-	1.000.000	4.000.000	-
3	33	35.234	35.234	7.559	96.202	-	1.000.000	4.000.000	-
4	34	35.234	35.234	8.119	130.942	-	1.000.000	4.000.000	-
5	35	35.234	35.234	8.769	167.096	-	1.000.000	4.000.000	-
6	36	35.234	35.234	9.460	204.738	40.948	1.000.000	4.000.000	-
7	37	35.234	35.234	10.288	243.753	97.501	1.000.000	4.000.000	-
8	38	35.234	35.234	11.161	284.206	170.524	1.000.000	4.000.000	-
9	39	35.234	35.234	12.019	326.202	260.962	1.000.000	4.000.000	-
10	40	35.234	35.234	12.964	392.707	353.436	1.000.000	4.000.000	-
11	41	35.234	35.234	14.143	439.020	423.655	1.000.000	4.000.000	-
12	42	35.234	35.234	15.135	487.089	470.041	1.000.000	4.000.000	-
13	43	35.234	35.234	16.313	536.826	518.037	1.000.000	4.000.000	-
14	44	35.234	35.234	17.637	588.275	567.685	1.000.000	4.000.000	-
15	45	35.234	35.234	18.956	641.355	618.908	1.000.000	4.000.000	-
16	46	35.234	35.234	20.185	696.352	671.980	1.000.000	4.000.000	-
17	47	35.234	35.234	21.484	753.307	726.942	1.000.000	4.000.000	-
18	48	35.234	35.234	22.622	812.636	784.194	1.000.000	4.000.000	-
19	49	35.234	35.234	23.971	874.002	843.412	1.000.000	4.000.000	-
20	50	35.234	35.234	25.267	1.057.915	1.020.888	1.057.915	4.000.000	-
25	55	-	-	19.952	1.317.734	1.271.614	1.317.734	4.000.000	-
30	60	-	-	31.378	1.611.773	1.555.361	1.611.773	4.000.000	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
35	65	-	-	49.025	1.924.678	1.857.315	1.924.678	4.000.000	-
36	66	-	-	45.099	1.993.610	1.923.834	1.993.610	2.000.000	-
38	68	-	-	65.565	2.112.596	2.038.656	2.112.596	2.000.000	-
39	69	-	-	77.610	2.159.247	2.083.673	2.159.247	2.000.000	-
40	70	-	-	92.309	2.193.523	2.116.749	2.193.523	2.000.000	-
45	75	-	-	153.726	2.176.892	2.100.701	2.176.892	2.000.000	-
46	76	-	-	1.200	2.306.636	2.225.903	2.306.636	1.000.000	-
50	80	-	-	1.200	2.907.120	2.805.371	2.907.120	1.000.000	-
55	85	-	-	1.200	3.884.021	3.748.080	3.884.021	1.000.000	-
60	90	-	-	1.200	5.191.543	5.009.839	5.191.543	1.000.000	-
65	95	-	-	1.200	6.941.583	6.698.627	6.941.583	1.000.000	-
69	99	-	-	1.200	8.759.569	8.452.984	8.759.569	1.000.000	-

**CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG:**

Năm HĐ thứ mười: 22.905.000 đồng

Năm HĐ thứ hai mươi: 120.202.200 đồng

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

Tổng số năm đóng phí: 20 năm      Tổng số phí đóng: 704.680.000 đồng

Tổng số lần rút tiền mặt: -      Tổng số tiền mặt rút ra: -

Số tiền nhận khi đáo hạn: 8.759.569.000 đồng



**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
1	31	35.234	35.234	6.266	30.242	-	1.000.000	4.000.000	-
2	32	35.234	35.234	6.968	60.984	-	1.000.000	4.000.000	-
3	33	35.234	35.234	7.530	92.375	-	1.000.000	4.000.000	-
4	34	35.234	35.234	8.067	124.474	-	1.000.000	4.000.000	-
5	35	35.234	35.234	8.687	157.223	-	1.000.000	4.000.000	-
6	36	35.234	35.234	9.332	188.763	37.753	1.000.000	4.000.000	-
7	37	35.234	35.234	10.093	220.461	88.184	1.000.000	4.000.000	-
8	38	35.234	35.234	10.891	252.299	151.379	1.000.000	4.000.000	-
9	39	35.234	35.234	11.662	284.309	227.447	1.000.000	4.000.000	-
10	40	35.234	35.234	12.507	337.376	303.639	1.000.000	4.000.000	-
11	41	35.234	35.234	13.539	366.378	353.555	1.000.000	4.000.000	-
12	42	35.234	35.234	14.367	395.123	381.293	1.000.000	4.000.000	-
13	43	35.234	35.234	15.367	423.432	408.612	1.000.000	4.000.000	-
14	44	35.234	35.234	16.510	451.176	435.384	1.000.000	4.000.000	-
15	45	35.234	35.234	17.639	478.309	461.568	1.000.000	4.000.000	-
16	46	35.234	35.234	18.680	502.415	484.830	1.000.000	4.000.000	-
17	47	35.234	35.234	19.797	525.757	507.355	1.000.000	4.000.000	-
18	48	35.234	35.234	20.773	548.488	529.291	1.000.000	4.000.000	-
19	49	35.234	35.234	21.977	570.323	550.362	1.000.000	4.000.000	-
20	50	35.234	35.234	23.157	679.460	655.679	1.000.000	4.000.000	-
25	55	-	-	23.285	630.313	608.252	1.000.000	4.000.000	-
30	60	-	-	37.880	515.812	497.759	1.000.000	4.000.000	-

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	QLBH Cơ bản (QL Từ vong)	Tổng QL Bảo hiểm tham gia	Rút tiền mặt
35	65	-	-	63.644	291.448	281.247	1.000.000	4.000.000	-
36	66	-	-	62.649	232.665	224.522	1.000.000	2.000.000	-
38	68	-	-	91.252	69.902	67.455	1.000.000	2.000.000	-
39	69	<i>Hợp đồng chấm dứt hiệu lực khi GTTK nhỏ hơn 0 đồng</i>							

**CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG:**

Năm HĐ thứ mười:	20.930.100 đồng
Năm HĐ thứ hai mươi:	88.163.700 đồng

**Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.**

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Bền vững cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Hoạch định Tài chính Tương lai – Định hướng Bền vững.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Hoạch định Tài chính Tương lai là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu. **Nếu Hợp đồng Bảo hiểm bị chấm dứt trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên thì sẽ không có Giá trị Hoàn lại.**
- ✓ Giá trị Tài khoản Hợp đồng có thể giảm nhanh chóng và dẫn đến Hợp đồng Bảo hiểm bị mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đủ như kế hoạch.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

\_\_\_\_\_

Bên mua Bảo hiểm

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

\_\_\_\_\_

ĐDKD tư vấn

\_\_\_\_\_

Mã số ĐDKD

\_\_\_\_\_

Chữ ký

\_\_\_\_\_

Ngày/tháng/năm

(\*) **GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN**

- **Phí BH cơ bản** Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng trong năm (5) Năm hợp đồng đầu tiên.
- **Phí BH dự kiến đóng theo kỳ** Khoản phí mà BMBH dự kiến đóng theo kỳ phí xác định cho mỗi Năm hợp đồng.
- **Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** 100% Số tiền đóng vào HĐBH sẽ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) và nhập vào Quỹ liên kết chung để đầu tư.
- **Khoản Khấu trừ hàng tháng** Khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng).  
*Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NDBH khi tham gia (các) Quyền lợi Bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực hợp đồng. Phí quản lý hợp đồng bao gồm 2 phần: (i) Phí cố định là 27.000 đồng/tháng trong năm 2016 và sẽ tự động điều chỉnh tăng hàng năm với mức tăng 2.000 đồng/tháng so với mức phí cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng sẽ chấm dứt khi phí cố định là 100.000 đồng/tháng; (ii) Phí tính trên GTTKHD (chỉ áp dụng trong 20 Năm hợp đồng đầu tiên) được xác định bằng 0,1% GTTKHD vào Ngày Khấu trừ hàng tháng.*

- **Phí quản lý quỹ** Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung, được khấu trừ từ tỷ suất lợi nhuận đầu tư dự kiến của Quỹ Liên kết chung trước khi công bố lãi suất áp dụng cho GTTKHD. Phí quản lý quỹ hiện tại là 2% /năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận nhưng không quá 2,5% /năm.
- **Giá trị Hoàn lại** Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, các Khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư (nếu có).

- **Phí chấm dứt hợp đồng** Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của GTTKHD tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm Hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10	11+
% GTTKHD	100%	80%	60%	40%	20%	10%	3,5%

- **Phí chấm dứt QL BH Gia tăng** Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt QL BH Gia tăng, được tính bằng Tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm Hợp đồng	1 - 5	6	7	8	9	10	11+
% Phí BH cơ bản của QL BH Gia tăng	100%	80%	60%	40%	20%	10%	3,5%

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

### ❖ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA NĐBH 1

**Quyền lợi tử vong:** khi HĐBH có QL BH CƠ BẢN, *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 tử vong do tự nhiên hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của QL BH CƠ BẢN hoặc GTTKHĐ, tùy giá trị nào lớn hơn.
- Trường hợp NĐBH 1 tử vong do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh QL BH Cơ bản, Người thụ hưởng còn nhận thêm 100% Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia. Nếu NĐBH 1 tử vong do Tai nạn khi đang sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc ở nước ngoài du lịch thì có thể nhận đến tối đa 300% Mệnh giá BH.

**Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:** khi HĐBH có *QLBH THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN, QL BH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị cắt cụt hoặc mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt; hoặc bị thương tật đạt tỷ lệ từ 81% vĩnh viễn trở lên theo quy định do bệnh hoặc tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận Mệnh giá BH của QL BH Thương tật Toàn bộ và Vĩnh viễn (TTTBVVV).
- Trường hợp NĐBH 1 bị cắt cụt hoặc mất hoàn toàn và vĩnh viễn chức năng của 2 chi, hoặc 2 mắt, hoặc 1 chi và 1 mắt do tai nạn và có tham gia *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG* thì bên cạnh QL BH TTTBVVV, Người thụ hưởng còn nhận thêm 100% Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi thương tật do Tai nạn:** khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị mất hoàn toàn chức năng của một bộ phận cơ thể do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi chấn thương do Tai nạn:** khi HĐBH có *QLBH TỬ VONG HOẶC TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 bị chấn thương nội tạng/xương khớp/bông do Tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi mắc bệnh Nan y:** khi HĐBH có *QLBH THEO MỨC ĐỘ CHO BỆNH NAN Y*

- Trường hợp NĐBH 1 bị một trong các nhóm bệnh nan y được bảo hiểm thì tùy theo mức độ (tối đa 3 mức độ) bệnh, Người thụ hưởng sẽ nhận tỷ lệ phần trăm tương ứng Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia.

**Quyền lợi hỗ trợ nằm viện:** khi HĐBH có *QLBH HỖ TRỢ NÀM VIỆN MỞ RỘNG*

- Trường hợp NĐBH 1 nằm viện điều trị bệnh hoặc tổn thương do tai nạn, Người thụ hưởng sẽ nhận (i) tỷ lệ phần trăm Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia cho mỗi ngày nằm viện (\*), và (ii) nhận thêm có thể lên đến 20 lần Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia nếu NĐBH 1 có Phẫu thuật.  
(\* ) Số tiền Bảo hiểm tối đa chi trả cho mỗi lần nằm viện tại Trung tâm Y tế là 5 lần Mệnh giá BH của QL BH Gia tăng tham gia.

## GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

### **1. Quyền lợi khi Hợp đồng Bảo hiểm đáo hạn**

Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.

### **2. Quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung**

BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

### **3. Quyền lợi duy trì hợp đồng**

- Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ mười, 12% giá trị trung bình của GTTKHĐ trong 10 năm trước sẽ được cộng vào GTTKHĐ nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.
- Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ hai mươi, 18% giá trị trung bình của GTTKHĐ trong 10 năm trước sẽ được cộng vào GTTKHĐ nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

### **4. Quyền tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại**

BMBH có thể yêu cầu tạm ứng từ Giá trị Hoàn lại sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực năm (05) năm và có Giá trị Hoàn lại. Chubb Life sẽ áp dụng Khoản giảm thu nhập đầu tư trên các khoản tạm ứng. Khoản giảm thu nhập đầu tư được xác định bằng tích số của lãi suất tạm ứng, Khoản tạm ứng và thời gian tạm ứng. Lãi suất tạm ứng tối đa bằng lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ cộng với 6% hoặc 150% của lãi suất tính lãi trên GTTKHĐ, giá trị nào lớn hơn sẽ được áp dụng.

### **5. Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng**

BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTKHĐ sau khi Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực mười (10) năm và có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, Mệnh giá BH của QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản tiền mặt đã rút. BMBH phải chịu khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định bằng 3,5% của khoản tiền rút ra và được khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền rút ra đó (Phí rút một phần GTTKHĐ).

### **6. Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm hoặc chấm dứt Quyền lợi Bảo hiểm Gia tăng**

BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại; hoặc yêu cầu chấm dứt QLBH Gia tăng.